

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **489/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 08/7/2020

V/v: “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thùy Trang

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phạm Thị Nhung
2. Bà Trần Quang Cảnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Bích Đào - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Huyền Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án hôn nhân sơ thẩm thụ lý số 71/2020/HNST ngày 20 tháng 01 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 195/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Bùi Thị Ánh S, sinh năm 1993;

Hộ khẩu thường trú: Số 443/91, đường D, phường Q, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chỗ ở: Số 239/3/16, đường Q, phường Q, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc G, sinh năm 1994;

Địa chỉ: Số 54, đường T, phường Q, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/01/2020, trong bản tự khai và quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn bà Bùi Thị Ánh S thể hiện:

Bà và ông Nguyễn Ngọc G đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 378 ngày 11/12/2017 do UBND phường Q, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Sau khi đăng ký kết hôn hai bên chưa tổ chức lễ cưới và chưa về sống chung với nhau thì xảy ra mâu thuẫn không thể hàn gắn. Do đó nay bà S xin được ly hôn với ông G để dứt khoát về mặt pháp lý.

Về con chung: Bà S xác nhận không có con chung.

Về tài sản chung: Bà S xác nhận không có con chung.

Về nợ chung: Bà S xác nhận không có con chung.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Ngọc G có Đơn xin vắng mặt đề ngày 20/5/2020, nội dung trong đơn trình bày:

Do sức khỏe kém nên ông không thể có mặt theo giấy triệu tập của Tòa để tham gia giải quyết vụ án và xét xử. Ông xin được vắng mặt tại các buổi làm việc và xét xử. Về yêu cầu xin ly hôn của bà Bùi Thị Ánh S thì ông đồng ý ly hôn, không cần hàn gắn, không còn tình cảm. Ông xác nhận ông và bà S không có con chung, không có tài sản chung và không có nợ chung.

Tòa án tiến hành lập biên bản về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản hòa giải và đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn bà Bùi Thị Ánh S có đơn xin xét xử vắng mặt.
- Bị đơn ông Nguyễn Ngọc G có đơn xin xét xử vắng.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên có vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử theo Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc giải quyết vụ án: Quan hệ hôn nhân của bà Bùi Thị Ánh S và ông Nguyễn Ngọc G là hôn nhân hợp pháp. Bà S yêu cầu xin ly hôn, ông G xác nhận không còn tình cảm, không cần hàn gắn, đồng ý ly hôn. Hai bên không có con chung. Về tài sản chung và nợ chung hai bên xác nhận không có. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình, yêu cầu của bà S là có căn cứ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

Căn cứ Đơn khởi kiện của bà Bùi Thị Ánh S, Hội đồng xét xử xác định vụ án trên là tranh chấp về ly hôn. Do bị đơn ông Nguyễn Ngọc G hiện đang cư trú tại quận T nên Tòa án nhân dân quận T thụ lý giải quyết là phù hợp theo quy định tại các khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn và bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo Điều 177, Điều 220 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn có đơn yêu cầu Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân quận T tiến hành xét xử vắng mặt bà Bùi Thị Ánh S và ông Nguyễn Ngọc G.

2. Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị Ánh S và ông Nguyễn Ngọc G đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền nên quan hệ giữa bà S và ông G là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ lời trình bày của bà S có trong hồ sơ nhận thấy hai bên tuy có đăng ký kết hôn nhưng chưa tổ chức lễ cưới và chưa thật sự chung sống như vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn dẫn đến bà S yêu cầu xin được ly hôn. Ông G đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của bà S, không cần hàn gắn, không còn tình cảm. Tuy nhiên ông trình bày sức khỏe kém nên không đến Tòa được và xin vắng mặt tại các buổi làm việc, xét xử. Xét thấy mâu thuẫn xảy ra trong quan hệ vợ chồng giữa bà S và ông G là có thật, không đảm bảo tình nghĩa vợ chồng theo quy định tại khoản 2 Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình. Do vậy, việc chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà S theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình là phù hợp.

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Hai bên xác nhận không có nên Tòa án không giải quyết.

- Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội bà Bùi Thị Ánh S phải chịu 300.000 (*Ba trăm ngàn*) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 177, Điều 220, Điều 228, Điều 233, Điều 273 và Điều 275 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ: Điều 19, Điều 56 và Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị Ánh S.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị Ánh S được ly hôn với ông Nguyễn Ngọc G.

Quan hệ hôn nhân của bà S và ông G chấm dứt kể từ ngày bản án, quyết định ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Giấy chứng nhận kết hôn số 378 ngày 11/12/2017 do UBND phường Q, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà S và ông G không còn giá trị pháp lý.

- Về quan hệ con chung: Bà S và ông G xác nhận không có.
- Về tài sản chung: Bà S và ông G xác nhận không có.
- Về nợ chung: Bà S và ông G xác nhận không có.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Bùi Thị Ánh S phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng bà S đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0020515 ngày 20/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyền kháng cáo:

Bà Bùi Thị Ánh S và ông Nguyễn Ngọc G được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao án hoặc niêm yết bản sao án. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp; Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp được quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND quận T;
- Chi cục THADS quận T;
- UBND phường Q, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Ngô Thị Thùy Trang